

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

#### 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm<sup>1</sup>: Không áp dụng

#### 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>2</sup>:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### 1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |     |
|--|--|-----|
| 1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: <b>Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, bố trí biển báo, cấp nước, thoát nước, giao</b> | Trình bày đầy đủ các nội dung bên. Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.<br>Có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường hợp lý, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

<sup>2</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
| thông, liên lạc trong quá trình thi công.  | Trình bày không đầy đủ các nội dung bên. Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.<br>Không có hoặc có bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt        |
| 1.2. Đề xuất giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công các hạng mục theo hồ sơ thiết kế được duyệt đính kèm E-HSMT    | Trình bày đầy đủ các nội dung bên, các công việc đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được duyệt. Có đề xuất giải pháp kỹ thuật hợp lý, khoa học, phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành, phù hợp với điều kiện thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trường xây dựng.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Trình bày thiếu nội dung hoặc biện pháp thi công trình bày không đáp ứng các nội dung theo yêu cầu, không phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt. Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện thi công, không phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.                   | <b>Không đạt</b> |
| 1.3 Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng và cán bộ kỹ thuật.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có sơ đồ tổ chức hiện trường hoặc có nhưng không hợp lý.  | <b>Không đạt</b> |
| 1.4. Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa bão  | Có thuyết minh biện pháp khả thi.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có thuyết minh biện pháp khả thi.   | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 được xác định là đạt   | <b>Đạt</b>       |
|  | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

## 2. Tiến độ thi công

| Nội dung yêu cầu   | Mức độ đáp ứng   |                  |
|--|--|------------------|
| 2.1. Đề xuất thời gian thi công công trình   | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày kể từ ngày khởi công.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 240 ngày.   | <b>Không đạt</b> |
| 2.2. Tính phù hợp:<br>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công<br>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). Có biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực phù hợp với tiến độ, biện pháp thi công, khối lượng công việc và định mức hiện hành | <b>Đạt</b>       |
|  | Không thuộc các trường hợp nêu trên  | <b>Không đạt</b> |
| 2.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT                | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.  | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt   | <b>Không đạt</b> |

## 3. Các biện pháp đảm bảo chất lượng

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng |
|------------------|----------------|
|------------------|----------------|

|   |  |                  |
|---|--|------------------|
| 3.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các công tác thi công chính của các hạng mục | Có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp và đầy đủ các nội dung yêu cầu.  | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có thuyết minh biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý hoặc không khả thi, không phù hợp và không đầy đủ với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Không đạt</b> |
| 3.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.           | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và các tiêu chuẩn hiện hành.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công, không phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành. | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận  | Các tiêu chuẩn chi tiết 3.1, 3.2 đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

#### **4. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>  | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|--|---|------------------|
| 4.1. An toàn lao động  |   |                  |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công trong công tác sử dụng xe máy thiết bị; trong việc sử dụng điện thi công... | Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động đầy đủ các nội dung, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi,             | <b>Không đạt</b> |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
|  | không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công   |                  |
| <b>4.2. Phòng cháy, chữa cháy</b>  |   |                  |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công...  | Có biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | <b>Không đạt</b> |
| <b>4.3. Vệ sinh môi trường</b>   |   |                  |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.  | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công                          | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 đều được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |

### **5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>                                       | <b>Mức độ đáp ứng</b>   |                  |
|---|---|------------------|
| <b>5.1. Thời gian bảo hành</b>                                |   |                  |
| Đề xuất thời gian bảo hành.                                   | Có đề xuất thời gian bảo hành bằng hoặc lớn hơn 12 tháng.   | <b>Đạt</b>       |
|   | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.   | <b>Không đạt</b> |
| <b>5.2. Quy trình bảo hành</b>                                |   |                  |
| Đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành | Có đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành hợp lý, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật. | <b>Đạt</b>       |

|          |   |                  |
|----------|---|------------------|
|          | Không có đề xuất quy trình bảo hành công trình trong thời hạn bảo hành hoặc có nhưng không hợp lý, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật. | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 đều được xác định là đạt.  | <b>Đạt</b>       |
|          | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.  | <b>Không đạt</b> |

**6. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|---|--|------------------|
| Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu có cam kết thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐCP        | <b>Đạt</b>       |
|   | Nhà thầu không có cam kết thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | <b>Không đạt</b> |

**7. Các cam kết, hợp đồng nguyên tắc:**

| <b>Nội dung yêu cầu</b>   | <b>Mức độ đáp ứng</b>  |                  |
|---|--|------------------|
| 7.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính Cát, đá, xi măng, sắt thép. | Có cam kết của đơn vị cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp. (Kèm theo giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp) | <b>Đạt</b>       |
|   | Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc và giấy phép đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp  | <b>Không đạt</b> |

|  |   |                  |
|--|---|------------------|
| 7.2. Đối với công tác thí nghiệm trong xây dựng. | Có tài liệu chứng minh sở hữu phòng thí nghiệm, nếu đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc và bên cho thuê có tài liệu chứng minh sở hữu và khả năng cung cấp      | <b>Đạt</b>       |
|  | Không có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc không có hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm hoặc bên cho thuê không chứng minh được sở hữu phòng thí nghiệm. | <b>Không đạt</b> |
| Kết luận   | Các tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2, được xác định là đạt.   | <b>Đạt</b>       |
|  | Một trong các tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2, được xác định là không đạt.   | <b>Không đạt</b> |